

**CÔNG TY CỔ PHẦN
HẢI MINH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Giám đốc	1 - 2
Báo cáo Kiểm toán	3
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2009	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 20

19.08.2009

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Hải Minh (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Hải Minh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000801 ngày 24 tháng 01 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 20 tháng 01 năm 2010.

Trụ sở được đặt tại lầu 4 toà nhà Sài Gòn Port, số 03 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 100.000.000.000 đồng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất mua bán máy móc thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp;
- Mua bán xe chuyên dùng;
- Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng;
- Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh;
- Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ-đường sông-đường biển;
- Đại lý tàu biển;
- Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Môi giới hàng hải;
- Đại lý vận tải đường hàng không;
- Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy-đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Đầu tư và khai thác cảng;
- Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp;
- Mua bán thiết bị, máy móc ngành nông nghiệp.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Quốc Hùng	Chủ tịch
Ông Phùng Văn Quang	Thành viên
Ông Nguyễn Mỹ Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Thành Chương	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hà	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Thành Chương	Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Hưng	Kế toán trưởng

3. Tình hình kinh doanh năm 2009

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2009 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

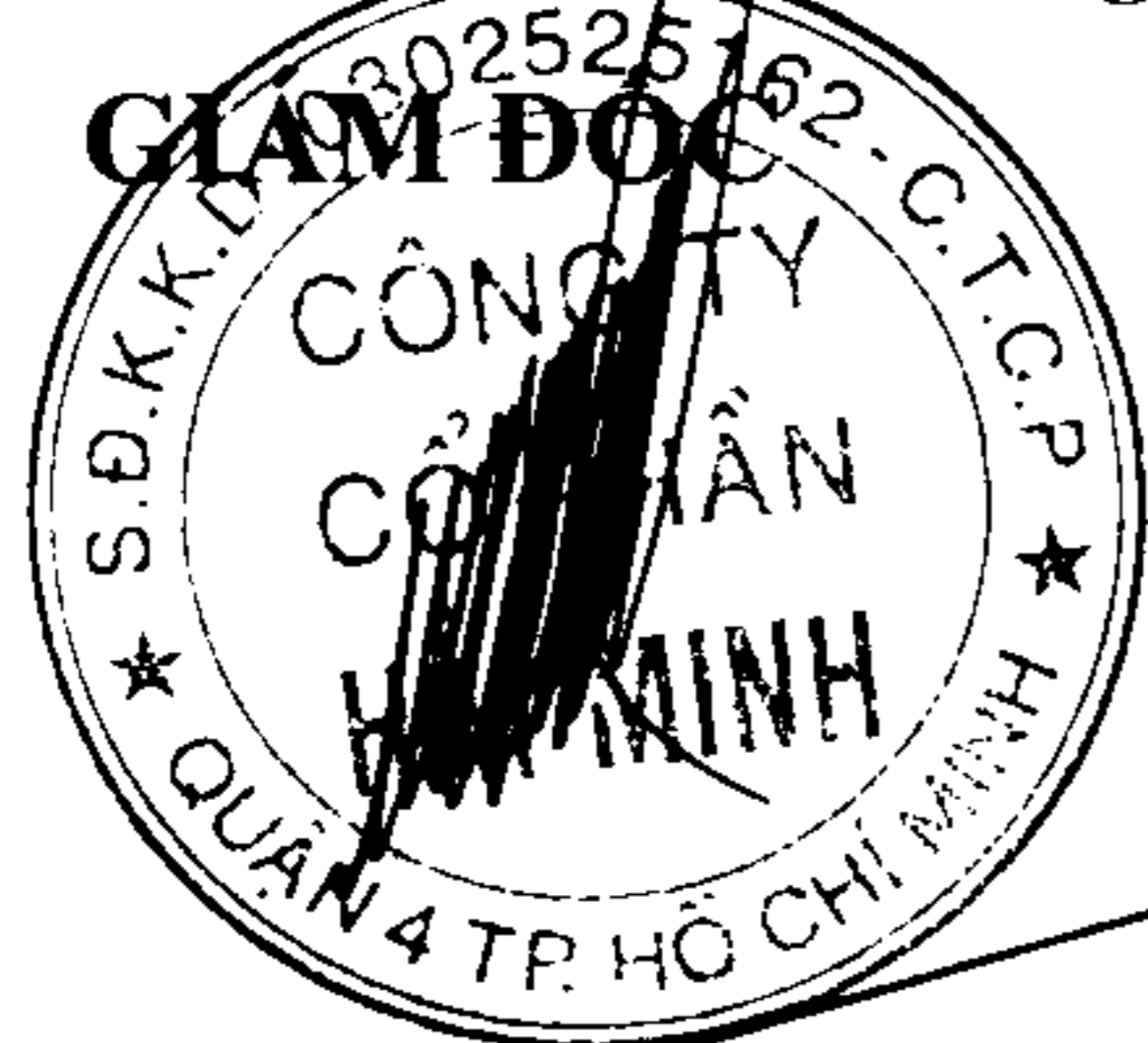
5. Kiểm toán viên

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 cho Công ty.

6. Ý kiến của Giám đốc

Theo ý kiến của Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2010



NGUYỄN THÀNH CHƯƠNG

Số: 10.295/BCKT – DTL.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ phần Hải Minh (dưới đây gọi tắt là Công ty). Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hải Minh vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2010

KIỂM TOÁN VIÊN


TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐẶNG XUÂN CẢNH
Chứng chỉ KTV số Đ.0067/KTV


BÙI VĂN BỒNG
Chứng chỉ KTV số 0177/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		30.561.953.281	33.521.255.827
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	13.106.167.200	4.063.361.804
1. Tiền	111		1.106.167.200	2.563.361.804
2. Các khoản tương đương tiền	112		12.000.000.000	1.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	3.241.840.000	4.964.510.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		4.190.890.000	5.671.080.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(949.050.000)	(706.570.000)
III. Các khoản phải thu	130	5.3	13.348.727.219	22.444.249.504
1. Phải thu khách hàng	131		5.054.958.117	10.678.098.034
2. Trả trước cho người bán	132		15.032.600	165.472.433
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		8.278.736.502	11.600.679.037
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		265.534.500	265.534.500
1. Hàng tồn kho	141		265.534.500	265.534.500
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		599.684.362	1.783.600.019
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		217.580.737	174.626.955
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		16.686.267	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	180.917.592
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		365.417.358	1.428.055.472

(Phần tiếp theo trang 05)

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		63.621.961.227	58.556.185.086
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		19.521.097.927	26.096.087.790
1. TSCĐ hữu hình	221	5.4	19.516.847.922	26.086.171.121
+ Nguyên giá	222		26.008.902.613	33.319.065.906
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.492.054.691)	(7.232.894.785)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227		4.250.005	9.916.669
+ Nguyên giá	228		17.000.000	17.000.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.749.995)	(7.083.331)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.5	43.837.212.500	31.137.212.500
1. Đầu tư vào công ty con	251		35.810.182.500	25.810.182.500
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		4.127.030.000	4.127.030.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		3.900.000.000	1.200.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		263.650.800	1.322.884.796
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	1.136.468.796
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	5.6	263.650.800	186.416.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		94.183.914.508	92.077.440.913

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.032.676.707	2.991.977.383
I. Nợ ngắn hạn	310		2.854.598.654	2.813.899.330
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	5.7	2.274.749.534	2.387.042.986
3. Người mua trả tiền trước	313		31.185.000	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.8	497.739.491	175.322.745
5. Phải trả người lao động	315		11.628.431	10.170.307
6. Chi phí phải trả	316		36.000.000	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		3.296.198	241.363.292
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		178.078.053	178.078.053
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc	336		178.078.053	178.078.053
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		91.151.237.801	89.085.463.530
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.9	90.223.410.052	88.290.673.564
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		56.163.800.000	56.163.800.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		19.339.670.000	19.339.670.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		742.424.655	742.424.655
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.230.650.069	530.650.069
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		12.746.865.328	11.514.128.840
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		927.827.749	794.789.966
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		927.827.749	794.789.966
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		94.183.914.508	92.077.440.913

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

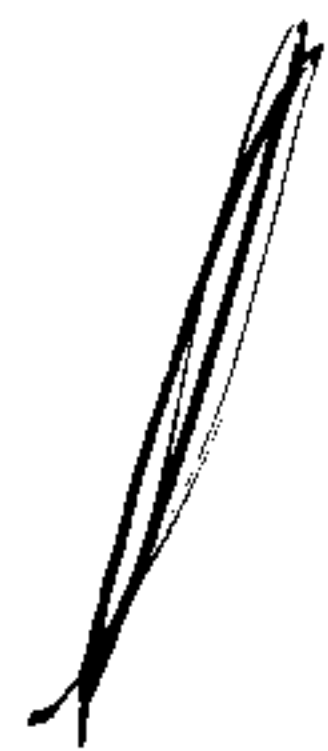
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

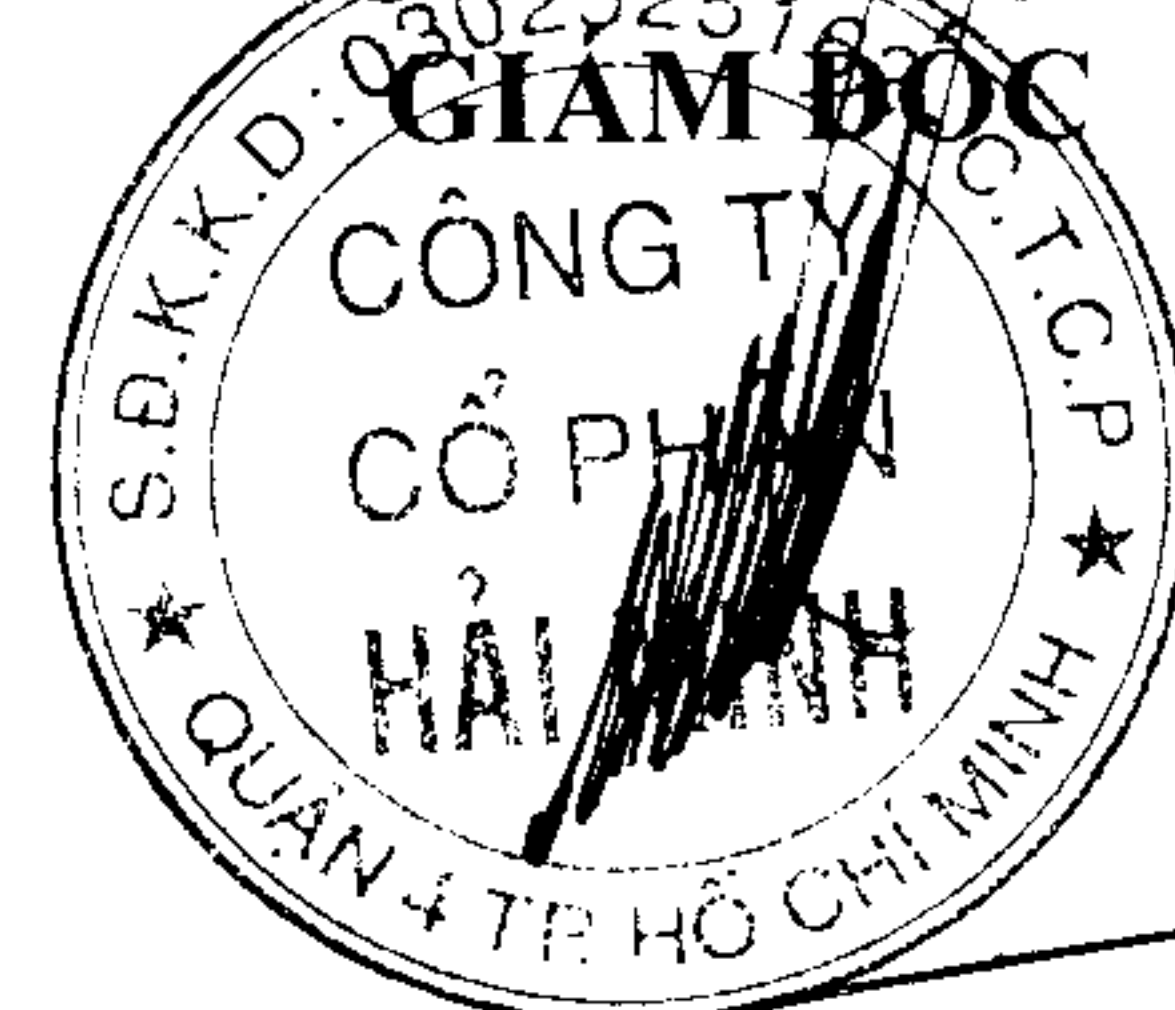
CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	34.754.382.956	72.479.077.089
2. Các khoản giảm trừ	02		-	31.831.380
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		34.754.382.956	72.447.245.709
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	29.766.028.653	61.148.451.362
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.988.354.303	11.298.794.347
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	12.942.888.377	1.718.171.285
7. Chi phí tài chính	22	6.4	656.654.085	1.089.200.704
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23			
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.083.760.169	4.081.738.381
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.190.828.426	7.846.026.547
11. Thu nhập khác	31		-	20.432.020
12. Chi phí khác	32		18.513.946	13.249.647
13. Lợi nhuận khác	40		(18.513.946)	7.182.373
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.172.314.480	7.853.208.920
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		628.944.812	2.060.739.506
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14.543.369.668	5.792.469.414

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2010

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THẾ HÙNG



NGUYỄN THÀNH CHƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		15.172.314.480	7.853.208.920
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		3.037.307.198	3.137.462.498
Các khoản dự phòng	03		242.480.000	706.570.000
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(12.463.869.193)	-
Chi phí lãi vay	06		-	358.735.650
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		5.988.232.485	12.055.977.068
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		10.110.677.655	(4.606.000.300)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(509.451.955)	1.924.972.222
Tăng giảm chi phí trả trước	12		1.089.515.014	(1.228.195.528)
Tiền lãi vay đã trả	13		-	(358.735.650)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(74.793.533)	(3.908.158.332)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		(126.393.911)	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(983.962.217)	(509.075.528)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		15.493.823.538	3.370.783.952
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.237.383.535)	(14.061.164.462)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		4.775.066.200	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(40.810.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.521.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(13.000.000.000)	(27.748.580.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		300.000.000	28.862.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12.463.869.193	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.781.741.858	(12.947.744.462)

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	6.833.060.000
2 Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(6.833.060.000)
5 Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(11.232.760.000)	(2.732.922.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(11.232.760.000)	(2.732.922.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		9.042.805.396	(12.309.882.510)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		4.063.361.804	16.373.244.314
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		13.106.167.200	4.063.361.804

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2010

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THẾ HƯNG**NGUYỄN THẠNH CHUÔNG**

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hải Minh (dưới đây gọi tắt là Công ty) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000801 ngày 24 tháng 01 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 20 tháng 01 năm 2010.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại lầu 4 toà nhà Sài Gòn Port, số 03 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 100.000.000.000 đồng.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ giao nhận, vận tải, khai thác cảng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất mua bán máy móc thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp;
- Mua bán xe chuyên dùng;
- Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng;
- Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh;
- Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ-đường sông-đường biển;
- Đại lý tàu biển;
- Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Đại lý hàng hải;
- Môi giới hàng hải;
- Đại lý vận tải đường hàng không;
- Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy-đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Đầu tư và khai thác cảng;
- Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp;
- Mua bán thiết bị, máy móc ngành nông nghiệp.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

- Nguyên tắc chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 – 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 năm
+ Tài sản cố định vô hình	3 năm

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.5. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ theo tỷ lệ là 1-3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội cho toàn bộ công nhân viên làm việc tại doanh nghiệp trên một năm đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2008.

4.6. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận cổ tức: cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.
- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: theo Quyết định của Đại Hội đồng cổ đông hàng năm.

4.7. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.8. Thuê tài sản

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

4.9. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Ưu đãi, miễn giảm thuế: theo Thông tư 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 Công ty được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của năm 2009.
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.10. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.11. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của năm tài chính này.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	371.439.728	413.025.406
Tiền gửi ngân hàng	734.727.472	2.150.336.398
Tiền gửi có kỳ hạn	12.000.000.000	1.500.000.000
Tổng cộng	13.106.167.200	4.063.361.804

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	4.190.890.000	4.171.080.000
Đầu tư ngắn hạn khác	-	1.500.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(949.050.000)	(706.570.000)
Tổng cộng	3.241.840.000	4.964.510.000

Chứng khoán đầu tư ngắn hạn đến ngày 31/12/2009 là các khoản đầu tư vào cổ phiếu của các Công ty sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty CP cung ứng dịch vụ kỹ thuật hàng hải (Maserco)	3.200.000.000	3.200.000.000
Công ty CP Cơ điện lạnh (REE)	487.310.000	459.800.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (STB)	272.580.000	264.280.000
Công ty CP Đại lý liên hiệp vận chuyển	148.000.000	148.000.000
Công ty SJS	83.000.000	78.000.000
Công ty CP Giấy Viễn đông (VID)	-	21.000.000
Tổng cộng	4.190.890.000	4.171.080.000

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn tại ngày 31/12/2009 là khoản dự phòng được trích lập cho các chứng khoán mà Công ty đang đầu tư trên sàn chứng khoán TP. Hồ Chí Minh và sàn Hà Nội.

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	5.054.958.117	10.678.098.034
Trả trước cho người bán	15.032.600	165.472.433
Các khoản phải thu khác	8.278.736.502	11.600.679.037
Tổng cộng	13.348.727.219	22.444.249.504

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu về ứng trước cổ tức cho cổ đông	8.158.185.000	11.232.760.000
Phải thu khác	120.551.502	367.919.037
Cộng	8.278.736.502	11.600.679.037

5.4. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	33.224.148.397	94.917.509	33.319.065.906
Mua trong năm	1.237.383.535	-	1.237.383.535
Giảm do điều chuyển	(8.521.394.428)	(26.152.400)	(8.547.546.828)
Số dư cuối năm	25.940.137.504	68.765.109	26.008.902.613
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	7.182.451.543	50.443.242	7.232.894.785
Khấu hao trong năm	3.048.499.927	23.648.160	3.072.148.087
Giảm do điều chuyển	(3.796.279.693)	(16.708.488)	(3.812.988.181)
Số dư cuối năm	6.434.671.777	57.382.914	6.492.054.691
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	26.041.696.854	44.474.267	26.086.171.121
Tại ngày cuối năm	19.505.465.727	11.382.195	19.516.847.922

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 277.726.667 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.5. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào công ty con	35.810.182.500	25.810.182.500
Đầu tư vào công ty liên kết	4.127.030.000	4.127.030.000
Đầu tư dài hạn khác	3.900.000.000	1.200.000.000
Tổng cộng	43.837.212.500	31.137.212.500

Danh sách các công ty con mà Công ty đã đầu tư như sau:

	Vốn góp đến 31/12/2009	Tỷ lệ góp vốn
Công ty con		
+ Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	24.500.000.000	96,08%
+ Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	10.000.000.000	100%
+ Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam	1.310.182.500	51%
Cộng	35.810.182.500	

Danh sách các công ty liên kết mà Công ty đã đầu tư như sau:

	Vốn góp đến 31/12/2009	Tỷ lệ góp vốn
Công ty liên kết		
+ Công ty TNHH "K" Line Việt Nam	3.902.030.000	49%
+ Công ty TNHH Hải Thanh Thanh	225.000.000	45%
Cộng	4.127.030.000	

Các khoản đầu tư dài hạn khác mà Công ty đã đầu tư như sau:

	Vốn góp đến 31/12/2009	Tỷ lệ góp vốn
+ Công ty TNHH Vận tải và xếp dỡ Hải An	3.000.000.000	3,3%
+ Công ty CP Cảng Quốc tế Sao Biển	900.000.000	10%
Cộng	3.900.000.000	

5.6. Tài sản dài hạn khác

Số dư tài sản dài hạn khác tại ngày 31/12/2009 là khoản tiền đặt cọc thuê văn phòng.

5.7. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	2.274.749.534	2.387.042.986
Người mua trả tiền trước	31.185.000	-
Tổng cộng	2.305.934.534	2.387.042.986

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

5.8. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	466.138.650	-
Thuế thu nhập cá nhân	31.600.841	175.322.745
Tổng cộng	497.739.491	175.322.745

5.9. Vốn chủ sở hữu

5.9.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	ĐVT: 1.000 đồng					
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	49.330.740	19.339.670	742.425	240.782	10.427.709	80.081.326
Tăng vốn trong năm trước	6.833.060	-	-	-	-	6.833.060
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	5.792.469	5.792.469
Tăng khác	-	-	-	289.868	-	289.868
Giảm khác	-	-	-	-	(4.706.050)	(4.706.050)
Số dư đầu năm nay	56.163.800	19.339.670	742.425	530.650	11.514.128	88.290.673
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	14.543.370	14.543.370
Tăng khác	-	-	-	700.000	841	700.841
Giảm khác	-	-	-	-	(13.311.474)	(13.311.474)
Số dư cuối năm nay	56.163.800	19.339.670	742.425	1.230.650	12.746.865	90.223.410

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.9.2. Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
▪ Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
▪ Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	5.616.380	5.616.380
+ Cổ phần ưu đãi cổ tức	177.590	177.590
+ Cổ phần phổ thông	5.438.790	5.438.790
▪ Số lượng cổ phần đang lưu hành	5.616.380	5.616.380
+ Cổ phần ưu đãi cổ tức	177.590	177.590
+ Cổ phần phổ thông	5.438.790	5.438.790
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

5.9.3. Phân phối lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	11.514.128.840	10.427.709.290
Lợi nhuận sau thuế trong năm	14.543.369.668	5.792.469.414
Điều chỉnh theo Biên bản quyết toán thuế	840.889	(813.655.997)
Cổ tức tạm trích	(11.232.760.000)	(2.732.922.000)
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	(700.000.000)	(289.867.967)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(467.000.000)	(434.801.950)
Trích quỹ ban quản lý, điều hành	(700.000.000)	(434.801.950)
Giảm khác	(211.714.069)	
Lợi nhuận chưa phân phối đến 31/12/2009	12.746.865.328	11.514.128.840

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu dịch vụ vận tải	22.702.665.334	44.434.313.270
Doanh thu dịch vụ khai thác cảng	9.314.959.741	14.040.163.595
Doanh thu dịch vụ khác	2.736.757.881	14.004.600.224
Giảm giá hàng bán	-	(31.831.380)
Doanh thu thuần	34.754.382.956	72.447.245.709

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ vận tải	24.351.283.648	45.387.229.754
Giá vốn dịch vụ khai thác cảng	4.456.682.840	7.530.229.628
Giá vốn dịch vụ khác	958.062.165	8.230.991.980
Tổng cộng	29.766.028.653	61.148.451.362

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức, lợi nhuận được chia	11.948.865.977	-
Lãi tiền cho vay	-	692.216.665
Lãi tiền gửi	506.505.292	626.187.407
Chênh lệch tỷ giá	479.019.184	399.742.745
Doanh thu hoạt động tài chính khác	8.497.924	24.468
Tổng cộng	12.942.888.377	1.718.171.285

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn/dài hạn	242.655.056	706.570.000
Lãi trái phiếu chuyển đổi	-	358.735.650
Chênh lệch tỷ giá	407.875.140	20.728.577
Hoạt động khác	6.123.889	3.166.477
Tổng cộng	656.654.085	1.089.200.704

7. Thông tin về các bên có liên quan

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư với các bên liên quan như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu	1.939.765.097	257.302.640
Tổng cộng	1.939.765.097	257.302.640

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Mua hàng, sử dụng dịch vụ	880.072.705	2.965.704.999
Bán hàng, cung cấp dịch vụ	10.659.743.625	4.755.989.895

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	610.000.000	320.000.000
Lương Giám đốc	326.000.000	419.750.000
Tổng cộng	936.000.000	739.750.000

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

8. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

9. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 25 tháng 01 năm 2010.

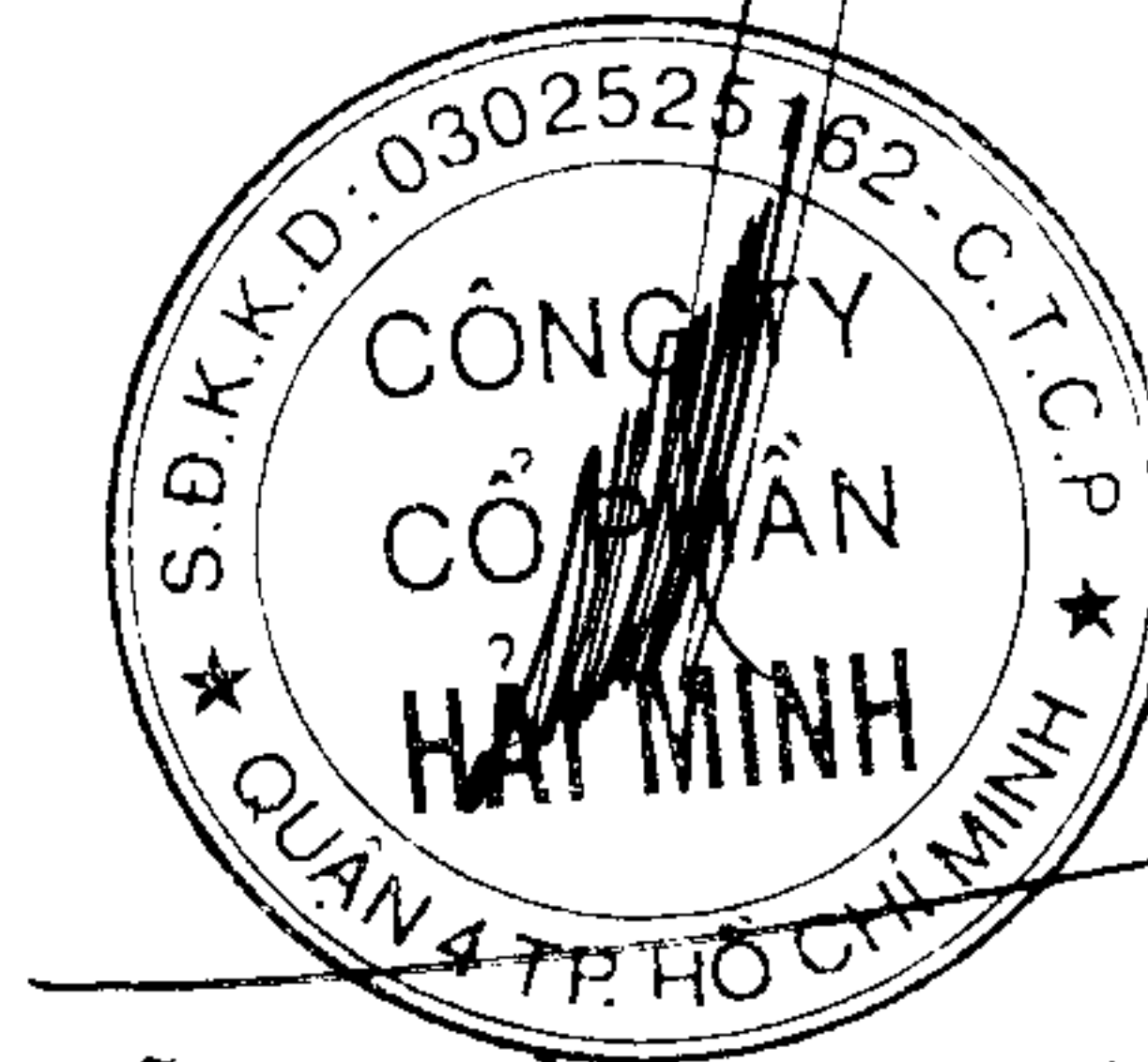
TP.Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2010

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THẾ HƯNG

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THÀNH CHƯƠNG